

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /XN-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN

Đăng ký thu hồi khoáng sản trong phạm vi thực hiện thi công Dự án đầu tư kinh doanh công trình Trạm dừng nghỉ Km366+850 (PT) và Km366+920 (TT) thuộc dự án thành phần Quốc lộ 45 - Nghi Sơn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông tại phường Trục Lâm, tỉnh Thanh Hoá

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản; số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng): Số 938/QĐ-BGTVT ngày 31/7/2023 về việc phê duyệt mạng trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; số 2226/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2018 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020; số 418/QĐ-BGTVT ngày 18/3/2021 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn; số 1027/QĐ-BGTVT ngày 16/8/2023 về việc phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thực hiện lựa chọn nhà đầu tư trạm dừng nghỉ Km366+850 (PT) và Km366+920 (TT) Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020; số 1523/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2023 về việc phê duyệt và ủy quyền phê duyệt một số nội dung trong Danh mục dự án đầu tư xây dựng và vận hành Trạm dừng nghỉ Km366+850 (PT) và Km366+920 (TT) đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía

Đông; số 643/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2024 về việc uỷ quyền, giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện dự án đầu tư kinh doanh trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông do Bộ Giao thông vận tải quản lý; số 899/QĐ-BGTVT ngày 15/7/2024 về việc giao Ban Quản lý dự án thực hiện một số nhiệm vụ trong giai đoạn xây dựng dự án đầu tư kinh doanh trạm dừng nghỉ trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông do Bộ Giao thông vận tải quản lý;

Xét Văn bản đăng ký thu hồi khoáng sản đề ngày 24/02/2026 kèm theo hồ sơ đề nghị thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện thi công Dự án đầu tư kinh doanh công trình trạm dừng nghỉ Km366+850 (PT) và Km366+920 (TT) thuộc Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông tại phường Trục Lâm, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần tập đoàn ANHPHATGROUP và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 568/TTr-SNNMT ngày 21/4/2026.

XÁC NHẬN:

Điều 1. Xác nhận Công ty cổ phần Tập đoàn ANHPHATGROUP (mã số doanh nghiệp 2800846807, đăng ký lần đầu ngày 22/6/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 17/11/2025 do Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa cấp; địa chỉ trụ sở chính: Số 306 đường Bà Triệu, phường Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa) đã đăng ký thu hồi khoáng sản các nội dung chính sau đây:

1. Tên khoáng sản thu hồi: Đất làm vật liệu san lấp.
2. Vị trí khu vực thu hồi khoáng sản: Khu vực thuộc phường Trục Lâm, tỉnh Thanh Hoá; thuộc phạm vi diện tích thực hiện Dự án đầu tư kinh doanh công trình trạm dừng nghỉ Km366+850 (PT) và Km366+920 (TT) thuộc Dự án thành phần đoạn Quốc lộ 45 - Nghi Sơn trên tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông.
3. Diện tích khu vực thu hồi khoáng sản: 55.275,5 m², trong đó khu vực 1 (trái tuyến) có diện tích 26.716,5 m²; khu vực 2 (phải tuyến) có diện tích 28.559,0 m².

Không gian thu hồi khoáng sản được thể hiện chi tiết theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 - Bản đồ ranh giới khu vực đăng ký thu hồi khoáng sản kèm theo.

4. Khối lượng khoáng sản thu hồi (ở trạng thái tự nhiên): 242.710,31 m³.
5. Thời gian thu hồi khoáng sản: Đến ngày 30/9/2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần tập đoàn ANHPHATGROUP có trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, thông tin vị trí, khối lượng, chủng loại khoáng sản được nêu trong Bản đăng ký thu hồi của đơn vị; tổ chức thực hiện việc thu hồi khoáng sản đất làm vật liệu san lấp theo đúng vị trí, khối lượng, chủng loại, kế hoạch, thời hạn nêu trên theo

đăng ký của đơn vị. Thực hiện thống kê, kiểm kê, tổng hợp đầy đủ khối lượng khoáng sản thu hồi thực tế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các nghĩa vụ khác theo đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm liên quan đến lĩnh vực giao thông, môi trường, an toàn lao động trong quá trình thu hồi, vận chuyển khoáng sản.

- Khai thác khoáng sản đúng khối lượng được cấp phép, ưu tiên cung cấp đất san lấp để phục vụ các công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước khác trên địa bàn tỉnh; bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác theo quy định của pháp luật; lắp đặt, duy trì vận hành, sử dụng camera giám sát, thiết bị cân (bao gồm trạm cân hoặc thiết bị cân khác) hoặc thiết bị đo đạc để kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác phục vụ công tác thống kê sản lượng khoáng sản đã khai thác để UBND phường Trúc Lâm theo dõi, giám sát; kê khai, báo cáo sản lượng khai thác khoáng sản trung thực, đầy đủ hàng tháng về Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Thanh Hóa, UBND phường Trúc Lâm và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về số liệu báo cáo để thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có khoáng sản mới ngoài loại khoáng sản đăng ký nêu trên, Công ty cổ phần tập đoàn ANHPHATGROUP phải dừng ngay việc thu hồi khoáng sản và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Định kỳ hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện công tác thu hồi khoáng sản về UBND tỉnh Thanh Hóa (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để tổng hợp, quản lý theo quy định; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Trúc Lâm theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thu hồi khoáng sản theo các nội dung nêu trên của đơn vị; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật nếu để đơn vị lợi dụng việc khai thác khoáng sản trái phép, không đúng các nội dung nêu tại Điều 1 Giấy xác nhận này do sự thiếu kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường;
- Công an tỉnh;
- Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Trúc Lâm;
- Công ty CP Tập đoàn ANHPHATGROUP;
- Lưu VT, CN (T04.75).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THU HỒI KHOÁNG SẢN
(Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận số /XN-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Khu vực	Điểm góc	Hệ toạ độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105^0 múi chiếu 3^0)	
		X (m)	Y (m)
Khu vực 1 (trái tuyến)	1	2154 046,32	569 627,31
	2	2154 030,24	569 602,76
	3	2154 022,25	569 593,04
	4	2153 962,29	569 571,96
	5	2153 950,56	569 591,19
	6	2153 870,41	569 614,47
	7	2153 855,28	569 646,42
	8	2153 851,85	569 660,30
	9	2153 871,97	569 694,65
	10	2153 851,20	569 718,53
	11	2153 836,09	569 692,55
	12	2153 807,04	569 662,87
	13	2153 789,92	569 673,19
	14	2153 791,23	569 695,32
	15	2153 774,05	569 705,56
	16	2153 744,59	569 654,94
	17	2153 712,36	569 675,36
	18	2153 716,63	569 681,83
	19	2153 706,40	569 688,57
	20	2153 810,77	569 798,47
	21	2153 885,71	569 720,78
	Diện tích: 26.716,5 m²		
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +29,02m		
	1	2154 293,46	569 334,51
	2	2154 263,02	569 360,18

Khu vực 2 (phải tuyến)	3	2154 239,06	569 387,12
	4	2154 210,04	569 394,72
	5	2154 198,12	569 377,17
	6	2154 180,56	569 361,09
	7	2154 172,96	569 332,07
	8	2154 163,29	569 334,60
	9	2154 122,52	569 376,29
	10	2154 112,84	569 378,82
	11	2154 105,24	569 349,80
	12	2154 047,20	569 364,99
	13	2154 044,67	569 355,32
	14	2154 030,12	569 359,13
	15	2154 025,21	569 339,74
	16	2154 039,60	569 335,97
	17	2154 037,07	569 326,30
	18	2154 082,45	569 262,73
	19	2154 078,69	569 248,38
	20	2154 123,51	569 240,59
	21	2154 150,54	569 235,91
	22	2154 169,88	569 230,79
	23	2154 237,64	569 207,67
	24	2154 244,92	569 208,41
	25	2154 251,30	569 213,76
	26	2154 257,13	569 227,34
	27	2154 239,77	569 231,88
	28	2154 247,36	569 260,91
	29	2154 270,44	569 264,95
	30	2154 275,22	569 279,46
	31	2154 260,03	569 309,28
	32	2154 289,48	569 322,51
	Diện tích: 28.559,0 m²		
	Mức sâu thu hồi thấp nhất: +37,4m		